

# MÁY VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ TỔ CHỨC KHOA HỌC Ở NƯỚC TA

NGUYỄN VĂN THU

Nửa sau thế kỷ XX, loài người đã chứng kiến một hiện tượng mang tính thời đại và quốc tế sâu sắc - cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại. Thực chất của cuộc cách mạng này không phải ở chỗ là những phát minh hoặc những hướng tiến bộ khoa học và kỹ thuật lớn nhất, mà là sự thay đổi về cơ bản toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ sản xuất, từ việc sử dụng các vật liệu và các quá trình năng lượng đến các hệ thống máy móc và các hình thức tổ chức và quản lý, vị trí và vai trò của con người trong quá trình sản xuất. Cách mạng khoa học kỹ thuật đang tạo ra những tiền đề để có thể liên kết thành một thể thống nhất các dạng hoạt động quan trọng nhất của con người: khoa học, kỹ thuật, sản xuất và quản lý.

Ngày nay khó có thể kể ra một lĩnh vực hoạt động xã hội nào lại không chịu tác động của cuộc cách mạng này. Nhiều nhà kinh tế cho rằng 80-90% mức tăng năng suất ở các nước phát triển là nhờ các biện pháp khoa học và kỹ thuật. Đầu tư cho khoa học đã trở thành một lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao nhất.

Đồng thời với những ảnh hưởng ngày càng to lớn của khoa học đối với đời sống kinh tế - xã hội, người ta cũng ghi nhận rằng hoạt động khoa học ngày nay đã vượt ra ngoài khuôn khổ giảng đường của các trường đại học, và các phòng nghiên cứu truyền thống của các Viện Hàn lâm đã trở thành một *ngành sản xuất đặc biệt* - sản xuất các thông tin khoa học làm *cơ sở cho các quyết định thuộc tất cả các lĩnh vực khác nhau*, mọi ngành công nghiệp nghiên cứu với số lượng cán bộ khoa học và phục vụ khoa học lớn hơn bất cứ một ngành sản xuất vật chất nào.

Ngoài phần đầu tư lớn, để giải quyết có hiệu quả các công trình khoa học - kỹ thuật, nhất là các vấn đề liên ngành, và để có thể nhanh chóng đưa vào áp dụng trong thực tiễn, đòi hỏi phải phối hợp sự hoạt động của nhiều tập thể, nhiều loại chuyên gia, nhiều cơ quan (nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, tiêu thụ, v.v...) trực thuộc các ngành kinh tế khác nhau. Đối với nhiều vấn đề, quy mô phối hợp còn vượt ra ngoài biên giới các quốc gia.

Trong điều kiện như vậy, để có thể khai thác triệt để khả năng to lớn của khoa học và kỹ thuật đối với kinh tế và xã hội để nâng cao hiệu quả của các nguồn lực to lớn, phải đầu tư cho khoa học để tổ chức tốt hơn việc phối hợp liên ngành trong hoạt động khoa học - kỹ thuật, không tùy thuộc vào trình độ phát triển. Hầu hết các nước trên thế giới trước sau đã thi hành các biện pháp quản lý đối với lĩnh vực này, và xem đây là một *chức năng quan trọng của Nhà nước*. Trên thế giới, hầu như người ta đã kết thúc cuộc tranh luận kéo dài là liệu có thể và có nên quản lý khoa học hay

Không, và vấn đề hiện nay chỉ còn là *làm thế nào để có thể tổ chức và quản lý tốt* hoạt động quan trọng và đặc thù này.

Nếu như, đối với các nước phát triển, công tác quản lý khoa học và kỹ thuật được đặt ra *như một vấn đề sống còn* trong giai đoạn *phát triển kinh tế theo chiều sâu*, mà ở đó khoa học đã thật sự trở thành yếu tố quyết định đối với việc giải quyết các vấn đề đối nội và đối ngoại, thì các nước chậm phát triển đang coi đây như một đòn bẩy quan trọng để rút ngắn khoảng cách công nghệ giữa họ và các nước đi trước.

Hiểu rõ vai trò to lớn của khoa học và kỹ thuật đối với sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh, ngay trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp ác liệt Đảng và Nhà nước ta đã cử những nhóm thanh niên đầu tiên sang các nước anh em học tập. Nắm bắt xu thế của thời đại và căn cứ vào điều kiện cụ thể của đất nước, Đảng ta đã sớm khẳng định vai trò then chốt của cách mạng khoa học và kỹ thuật trong ba cuộc cách mạng được tiến hành đồng thời ở nước ta.

Chính nhờ đường lối sáng suốt đó và những cố gắng liên tục và to lớn trong nhiều năm, cho đến nay chúng ta đã có được một đội ngũ cán bộ với trên 3.000 người có trình độ trên đại học, 35 vạn cán bộ đại học, 70 vạn cán bộ trung cấp và 1,7 triệu công nhân kỹ thuật. Đã hình thành một mạng lưới các cơ quan khoa học với 165 viện nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật, 93 trường đại học và hàng trăm trường trung cấp kỹ thuật và đào tạo công nhân.

Đội ngũ khoa học và kỹ thuật này đã có những đóng góp to lớn trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước hiện nay. Nhưng những thành tích đạt được chưa thật tương xứng với lực lượng hiện có và còn xa mới đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình trên, nhưng trong nhiều cuộc hội thảo khoa học gần đây, nhiều ý kiến đều cho rằng một trong những “khâu hẹp” hiện nay là công tác tổ chức và quản lý.

Thật vậy nếu xếp các cơ quan làm công tác khoa học và phục vụ khoa học thành một ngành, thì ngay trong điều kiện nước ta hiện nay, đây đã thật sự là một ngành khá lớn. Vấn đề cũng phức tạp hơn về mặt hành chính, các cơ quan này lại trực thuộc nhiều bộ chủ quản khác nhau. Nếu như trong quản lý sản xuất, ít nhiều chúng ta đã tích lũy được những kinh nghiệm nhất định, thì đối với hoạt động khoa học kỹ thuật, đây thật sự là một đối tượng còn khá mới mẻ đối với chúng ta.

Trước hết, về mặt nhận thức, nếu như mỗi người chúng ta có lẽ không chút hoài nghi về vai trò xã hội to lớn của khoa học đối với các nước kinh tế đã phát triển, thì chưa phải tất cả đều có thể thống nhất với nhau về chức năng xã hội cần và có thể có của khoa học trong điều kiện một nền kinh tế chủ yếu còn đang trong giai đoạn phát triển theo chiều rộng như nước ta hiện nay. Bởi vậy, việc chuẩn bị các luận cứ, cả về mặt lý luận và thực tiễn, về khả năng đóng góp của khoa học trong giai đoạn hiện nay phải trở thành một hướng nghiên cứu đáng quan tâm.

Cùng với việc giải quyết về mặt nhận thức, bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, việc hình thành một chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật cho giai đoạn 15-20 năm sau nhằm cụ thể hoá đường lối của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V có tầm quan trọng đặc biệt.

Nhưng, để có thể định ra một chiến lược phát triển phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của đất nước hàng loạt các vấn đề phương pháp luận và phương pháp

cụ thể đang đặt ra trước những người làm công tác nghiên cứu sẽ tổ chức khoa học, chẳng hạn:

- Thực chất và nội dung của chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật là gì?
- Nên hiểu như thế nào về mối quan hệ qua lại giữa chiến lược khoa học kỹ thuật và chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, giữa chiến lược và chính sách khoa học- kỹ thuật, giữa chiến lược và kế hoạch dài hạn, giữa chiến lược và dự báo, v.v...
- Những căn cứ gì phải tính tới trong quá trình xây dựng chiến lược?
- Dựa vào đâu để định ra các bước đi trong chiến lược phát triển?
- Những tiêu chuẩn gì cần được xét tới khi lựa chọn các phương hướng khoa học ưu tiên ?
- Cơ sở nào để xem xét mối quan hệ giữa chuyển giao kỹ thuật từ ngoài và tự nghiên cứu trong nước ?
- Những căn cứ gì cần tính tới để định ra nhịp độ đầu tư hợp lý cho khoa học trong các giai đoạn phát triển khác nhau?
- Nên phát triển mạng lưới các cơ quan khoa học theo hướng nào và phân bố theo vùng lãnh thổ ra sao?
- Những biện pháp chiến lược gì cần áp dụng để có thể động viên tới mức cao nhất tiềm lực khoa học kỹ thuật hiện có vào việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế-xã hội bức bách của đất nước? v.v...

Trên đây chưa phải là tất cả những vấn đề cần phải đề cập trong nghiên cứu chiến lược. Nhưng chỉ những vấn đề đó đã nói lên một phần nào tính phức tạp và yêu cầu gay gắt đang đặt ra cho các nhà thiết kế chiến lược là, từ một xuất phát điểm thấp trong điều kiện phương tiện đầu tư có hạn, cần chỉ ra con đường nhanh nhất để có thể rút ngắn khoảng cách giữa ta và các nước đi trước trên mặt trận khoa học và kỹ thuật. Rõ ràng đây là một bài toán cực kỳ phức tạp và đòi hỏi phải huy động trí tuệ của cả dân tộc. Và cũng chính ở đây đang đặt ra những yêu cầu bức bách về mặt đảm bảo phương pháp luận với phương pháp cụ thể.

Cùng với các vấn đề mang tính chiến lược, trong điều kiện cụ thể của nước ta, hàng loạt các vấn đề chiến thuật cũng đang đặt ra trước những người phụ trách các đơn vị làm công tác khoa học và kỹ thuật:

- Nên tổ chức các bộ phận trong cơ quan theo nguyên tắc nào, chuyên ngành hay chuyên đề, chuyên môn hóa hay tổng hợp?
- Những tiêu chuẩn gì cần xem xét để có thể lựa chọn đúng ngay từ đầu những cán bộ có khả năng làm công tác nghiên cứu khoa học?
- Làm thế nào để có thể nhanh chóng bồi dưỡng năng lực và phong cách nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu trẻ?
- Nên hình thành các tập thể nghiên cứu như thế nào để vừa có thể phát huy đầy đủ năng lực sáng tạo của từng thành viên, vừa đảm bảo duy trì đoàn kết nội bộ?
- Có cách nào đó có thể phát hiện sớm và bồi dưỡng “cương bực” các nhà tổ chức khoa học trẻ, những người có khả năng chủ trì các đề tài lớn, đề tài liên ngành?
- Làm thế nào để có thể kích thích được nhiệt tình khoa học của cán bộ nghiên cứu? Đây là ranh giới giữa khuyến khích tinh thần và kích thích vật chất?

- Những hình thức và cơ chế nào cần vận dụng để có thể đẩy nhanh quá trình đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn?

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, các nhà tổ chức khoa học đi trước đã phải mất nhiều năm tháng mày mò, thử nghiệm để tìm ra lời giải đáp cho từng tình huống cụ thể.

Nhưng rất may cho thế hệ ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, khi nghiên cứu không còn là hoạt động riêng lẻ của từng nhà khoa học mà đã trở thành một lĩnh vực hoạt động xã hội quan trọng, có ảnh hưởng to lớn đối với đời sống kinh tế - xã hội, thì bản thân nó đã có sức hấp dẫn đối với các nhà nghiên cứu xã hội, tâm lý học, kinh tế học, v.v... Và cũng chính nhờ vậy, trong những thập niên vừa qua đã nhanh chóng hình thành các hướng nghiên cứu xã hội học khoa học, tâm lý học sáng tạo khoa học, kinh tế khoa học, v.v... và cuối cùng một lĩnh vực nghiên cứu mới với tên gọi là “khoa học về khoa học” hay “khoa học luận” đã ra đời.

Cho tới nay, tuy các nhà lý luận còn đang tranh luận về đối tượng nghiên cứu của bộ môn khoa học non trẻ này, nhưng nhiều người đã thống nhất về chức năng xã hội mà nó là *chuẩn bị cơ sở lý luận* cho các quyết định về tổ chức và quản lý hoạt động khoa học thay cho các phương pháp trực cảm, suy đoán vốn thường được áp dụng trong thực tiễn.

Trên thế giới, ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển (Cuba, Ấn Độ, Trung Quốc, v.v...) trong những năm gần đây đã hình thành các trung tâm nghiên cứu về khoa học luận, hơn 170 tạp chí khoa học thế giới đã đề cập các khía cạnh khác nhau của khoa học luận.

Ở Việt Nam, từ cuối những năm 1960, một số cán bộ nghiên cứu ở nhiều cơ quan khác nhau như Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Viện Khoa học Việt Nam, v.v... đã quan tâm tìm hiểu và bước đầu triển khai nghiên cứu một số vấn đề thực tiễn của Việt Nam. Tuy nhiên, cho tới nay, lực lượng hiện có còn quá mỏng, trong khi yêu cầu về mặt hoàn thiện và đối với cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật lại quá lớn. Bởi vậy, vấn đề nhanh chóng tăng cường tiềm lực nghiên cứu trong lĩnh vực này có tầm quan trọng đặc biệt với việc nâng cao hiệu quả hoạt động tổng hợp của cả hệ thống khoa học và kỹ thuật.